TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-PT
Ngày: 20-02-2020
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng khoảng không"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Phương Thanh;

Bà Lê Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 09/2020/TLPT-DS ngày 08/01/2020 về *"Tranh chấp quyền sử dụng khoảng không"*.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2020/QĐ- PT ngày 03/02/2020; Giữa các đương sự:

Các nguyên đơn:

Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1971, có mặt;

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1964, có mặt;

Cùng trú tại: Khu 1, thị trấn S, huyện T, Thanh Hóa.

Các bị đơn kháng cáo:

Bà Phạm Thị B, sinh năm 1970, có mặt;

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966, có mặt;

Cùng trú tại: Khu 1, thị trấn S, huyện T, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị D và ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Tháng 4 năm 1994, gia đình ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D mua đất của ông Phạm Đức Hùng và bà Lê Thị Hà, với chiều rộng là 5m, chiều dài

40m, mua theo sơ đồ đất ở của Nông trường Sao Vàng. Hộ bà D, ông H được UBND huyện Thọ Xuân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM967999, vào sổ số H166 ngày 14/11/2008; Thửa 97, tờ bản đồ số 1, diện tích 108m^2; Địa chỉ khu 1, thị trấn S, huyện T, Thanh Hóa. Lúc mua đất hai bên có bàn giao phần giáp ranh: Phía Tây nhà ông H, bà D giáp ranh với phía Đông nhà ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B có phần móng xây chung. Hai gia đình cùng mua đất của một người, trên đất có phần móng chung do chủ đất cũ và gia đình ông Đ, bà B xây từ trước. Sau khi mua đất, hai gia đình đã thống với nhau bên nào xây dựng trước sẽ xây từ cốt 00 là giữa móng chung. Năm 1995 ông Đ, bà B xây nhà trước. Đến tháng 7/2017, gia đình ông H, bà D tiến hành xây nhà. Lúc bắt đầu xây dựng thì ông H, bà D phát hiện phần tường và ba via nhà 2 tầng của ông Đ, bà B nghiêng sang phía nhà ông H, bà D. Được sự đồng ý của ông Đ, bà B và sự chứng kiến của tổ thợ, gia đình ông H, bà D đã nhờ tổ thợ cắt bỏ để xây dựng công trình. Nhưng khi tiến hành phá dỡ phần ba via tầng 1 thì bà B, ông Đ không đồng ý cho phá dỡ. Gia đình ông Đ, bà D xây nhà trước, tại mặt móng xây đúng ranh giới, nhưng lên phía trên lại để tường và các ba via của tường lấn sang khoảng không đất của ông H, bà D khoảng 10cm, gây khó khăn ông H, bà D khi xây nhà tường sẽ không thẳng, không ngăn được nước mưa thấm tường.

Bà D và ông H yêu cầu buộc bà B, ông Đ phá dỡ phần ba via tầng1, ba via tầng 2, phần tường lan can (Còn gọi là tường hoa) phía Đông (Giáp tường nhà của ông H, bà D) của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 nhà ông Đ, bà B lấn sang khoảng không đất của ông H, bà D.

Theo Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị B và ông Lê Văn Đ trình bày: Vào tháng 6/1992, gia đình bà B, ông Đ mua đất của gia ông Phạm Đức Hùng và bà Lê Thị Hà có chiều rộng là 5m mặt đường và chiều dài 25m. Gia đình ông Đ, bà B xây móng nhà trước, đến tháng 1/1995 thì xây nhà kiên cố, chỉ xây 4,8m chiều rộng, hai bên để lại 1cm để đổ vỉa trần tránh nước mưa chảy vào tường. Đến năm 2012, ông Đ, bà B làm nhà tiếp lên tầng 2 xây theo tường cũ. Đối với tường lan can (Còn gọi là tường hoa) sân bán bình phía trước phòng đầu tầng 2 tuy có xây chồng lên tường của nhà ông H, bà D, nhưng ông Đ, bà B cho rằng tường nhà ông H, bà D xây nằm trên phần đất gia đình ông bà để lại 1cm cách điểm giữa móng chung khi xây dựng nhà chính.

Ông Hùng, bà Hà bán đất cho ông H, bà D năm 1994, từ đó đến nay hai gia đình sống cạnh nhau không có vấn đề gì. Nhưng đến tháng 6/2017, ông H, bà D cho rằng ông Đ, bà B lấn chiếm đất nên đã phá phần trần bê tông cốt thép nhà kiên cố là 0,1m x 7m chiều dài = 0,7m^2, lấn chiếm 0,1m x 18m = 1,8m^2 đất của ông Đ, bà B.

Các bị đơn cho rằng khi ông Hùng, bà Hà bán đất cho ông H, bà D thì không có sự chứng kiến của ông Đ, bà B. Ông Đ, bà B thừa nhận tường nhà của ông bà có nghiêng sang khoảng không trên đất của ông H, bà D là do thợ xây, khi nào các nguyên đơn xây nhà thì các bị đơn sẽ phá bờ ba via của tường. Đối với tường lan can của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2, ông Đ, bà B cho rằng chỉ có đầu tường phía Nam lấn sang đất của ông H, bà D, còn đầu tường ở phía trước hướng Bắc (Quốc lộ 47) vẫn nằm trong đất được sử dụng nên không chấp nhận phá dỡ. Ông Đ, bà B cho biết bờ ba via trên tường tầng 2 được xây bằng gạch, trát vữa sau khi đổ trần kéo dài theo chiều ngang trần nhà nhô ra để ngăn nước mưa vào tường; Tường lan can của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 được xây bằng gạch trát vữa trên trần của gian bán bình phía trước liền kề, là kết cấu riêng với nhà.

Kết quả các lần xem xét thẩm định tại chỗ và các ngày 27/09/2019 và ngày 18/02/2020 thể hiện:

Ranh giới đất giữa hộ ông H, bà D với hộ ông Đ, bà B được xác định như sau: Lấy mép ngoài chân tường phía Đông nhà ông Đ, bà B tại móng chung làm chuẩn, cách 1cm kéo thẳng theo hướng Bắc – Nam. Có khoét một đám chân tường của ông H, bà D tại móng chung để xác định mép ngoài móng nhà ông Đ, bà B.

Đất hộ ông H, bà D chiều rộng mặt đường Quốc lộ 47 tính từ ranh giới tại móng chung là 4,87m, còn thiếu so với chiều rộng được giao 5m mặt đường, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 47, phía Nam giáp ông Đ, bà B, phía Đông giáp đất của ông Sơn, bà Hằng, phía Tây giáp đất ông Đ, bà B; Trên đất có nhà xây một tầng, có gian bán bình phía trước.

Đất hộ ông Đ, bà B chiều rộng mặt đường Quốc lộ 47 tính từ ranh giới tại móng chung là 5m; Trên đất có nhà xây hai tầng, gian bán bình phía trước xây tường lan can trên trần làm sân trước phòng đầu tầng 2 của nhà hai tầng.

Tính từ điểm cao nhất của mép ngoài của tường phía Đông nhà ông Đ, bà B thả dây có quả rọi xuống mặt móng chung, từ vị trí quả rọi cách mép ngoài chân tường phía Đông nhà ông Đ, bà B là 16,5cm, như vậy trừ 1cm để lại, tường nhà ông Đ, bà B nghiêng sang đất ông H, bà D 15,5cm.

Nhà xây hai tầng của ông Đ, bà B có các phần công trình xây dựng lấn sang khoảng không trên đất của ông H, bà D như sau:

- Tại phần tường lan can (Còn gọi là tường hoa) phía Đông (Giáp ông H, bà D) của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 xây trên tường của hai nhà ông Đ, bà B và ông H, bà D. Ở đầu tường lan can phía Nam tính từ mép ngoài tường nhà ông Đ, bà B chồng lấn lên tường của ông H, bà D rộng 7cm, kéo dài về phía Bắc (Phía trước).

- Bờ ba via xây bằng gạch trát vữa ngang trần nhà tầng 2, đầu phía Bắc

giáp với mép của bát trang trí đầu trụ tầng 2, rộng 10cm kéo dài hết tường về phía Nam.

- Bờ ba via đổ dầm bê tông cốt thép và xây gạch của tầng 1 lấn sang khoảng không trên đất của ông H, bà D rộng 20cm, từ đầu phía Bắc kéo dài về phía Nam 2,05m.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã xử:

Căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 163, 164, 175, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng khoảng không trên đất diện tích 0,38m^2 (phần ba via bằng bê tông 15 cm x 2,05m) và khoảng không phần tường xây đè lên bán bình diện tích 8cm^2 (4cm x 2,1m) bị lấn chiếm của Nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D đối với bị đơn là ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo.

Ngày 09- 12- 2019, bà Phạm Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm buộc vợ chồng bà tháo dỡ ba via tầng1, tầng 2 và tháo dỡ tường, vì cho rằng án thẩm xử không khách quan và không khả thi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D chỉ yêu cầu buộc phá dỡ phần ba via tầng 2 của nhà với chiều dài 5,9m tính từ phía Bắc, phần tường lan can (Còn gọi là tường hoa) phía Đông (Giáp ông H, bà D) của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 của nhà bà B, ông Đ sang khoảng không trên đất, không yêu cầu phá dỡ phần ba via tầng 1. Ông H, bà D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Bà B không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại việc bị buộc tháo dỡ ba via và tường xây đè bán bình. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, sửa lại lời tuyên buộc bị đơn phải tháo dỡ phần ba via tầng 2 của nhà bà B, ông Đ nhô ra rộng 10 cm, dài

7,9m; tường phía Đông xây dựng trên bán bình nhà bà B, ông Đ có chiều dài 3,3m nhô ra 0,7m. Tuyên rõ chi phí và người chịu chi phí tố tụng. Bị đơn kháng cáo không được cháp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị B gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của án sơ thẩm:

- Về giải quyết yêu cầu của nguyên đơn: Hộ bà D và ông H được giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp với diện tích 108m^2 tại khu 1, thị trấn S, huyện T, Thanh Hóa, giáp với đất của hộ ông Đ và bà B. Đất của hộ bà D, ông H được xác định là sử dụng đúng, không lấn chiếm với ai. Qua thẩm định đã xác định nhà xây của ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B có phần tường nhà và bờ ba via ở phía Đông, tường lan can phía Đông của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 nhà ông Đ, bà B lấn sang khoảng không trên đất của hộ bà D, ông H. Do đó, án sơ thẩm buộc ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B phải trả lại khoảng không trên đất cho bà Đỗ Thị D và ông Nguyễn Mạnh H là có căn cứ, đúng qui định. Tuy vậy, quyết định của án sơ thẩm không tuyên buộc ông Đ và bà B phải tháo dỡ phần tường và ba via lấn sang khoảng không phần đất của hộ bà D, ông H là chưa rõ ràng, không đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải sửa và bổ sung quyết định án sơ thẩm về nội dung buộc bị đơn phá dỡ phần công trình xây lấn khoảng không để đảm bảo thi hành án.

- Ở giai đoạn sơ thẩm, ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D đã có đơn xin rút một phần yêu cầu giải quyết về đòi lại diện tích đất phía sau, nhưng Tòa án sơ thẩm không ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có thiếu sót.

- Đối với nội dung quyết định về lệ phí: Án sơ thẩm chỉ tuyên ông Nguyễn Mạnh H đã nộp đủ lệ phí thẩm định, không xác định ai phải chịu lệ phí là có thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D đã tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí thẩm định. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải sửa và bổ sung nội dung quyết định của án sơ thẩm về lệ phí cho đầy đủ, đúng qui định, chấp nhận sự tự nguyện của ông H, bà D chịu toàn bộ lệ phí thẩm định và định giá tài sản.

[3]. Xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông H, bà D khẳng định toàn bộ tường nhà phía Đông của ông Đ, bà B nghiêng sang đất của ông bà. Nhưng tại

phiên tòa phúc thẩm, ông H, bà D chỉ yêu cầu buộc phá dỡ phần ba via tầng 2 của nhà, phần tường lan can của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 của nhà ông Đ, bà B là quyền tự định đoạt của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận. Như bị đơn cho biết, bờ ba via tầng 2 không đổ liền trần nhà, tường lan can của sân bán bình không gắn kết với nhà nên việc tháo dỡ các phần xây dựng này không ảnh hưởng đến kết cấu của nhà ông Đ, bà B.

[4]. Mặc dù bờ ba via tầng 2 nhà ông Đ, bà B kéo dài hết tường, nhưng theo yêu cầu của các nguyên đơn không muốn nhà của bị đơn bị ảnh hưởng nên chỉ yêu cầu phá dỡ đoạn ba via dài 5,9m, do thực tế chiều ngang của bờ ba via có thể không đều nhau nên được thực hiện cắt sát mặt tường.

[5]. Tường lan can của sân bán bình trước phòng đầu tầng 2 tính từ mép ngoài tường nhà ông Đ, bà B xây chồng lên tường của ông H, bà D rộng 7cm. Ranh giới đất giữa hai nhà như các đương sự thừa nhận được xác định là cách mép ngoài tường nhà ông Đ, bà B 1cm, do đó tường lan can lấn sang nhà ông H, bà D sẽ là 7cm - 1cm = 6cm. Phần tường lan can của nhà ông Đ, bà B phải tháo dỡ với chiều rộng trên mặt là 6cm cắt thẳng xuống đến mặt sân và kéo thẳng về phía Bắc hết đoạn tường.

[6]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Đất của hộ bà D, ông H được xác định là sử dụng đúng không lấn chiếm của ai. Ông Đ và bà B cũng đã khởi kiện yêu cầu ông H, bà D trả đất lấn chiếm và bồi thường đối với phần ba via bị phá bỏ, nhưng đã bị bản án dân sự số 51/2019/DS- PT ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Đối với tường nhà phía Đông tầng 2 trong đó có bờ ba via, ông Đ, bà B đã thừa nhận nghiêng sang khoảng không trên đất của ông H và bà D, chấp nhận sẽ tháo dỡ nên không cần đánh giá về nội dung này nữa.

- Đối với tường lan can của sân bán bình ông Đ, bà B thừa nhận chân tường xây chồng lên tường của hai nhà, nhưng chỉ có đầu phía Nam lấn sang đất của các nguyên đơn, còn đầu phía Bắc nằm trong đất sử dụng. Nhưng ông Đ, bà B là người xây nhà trước đã ấn định ranh giới đất hai hộ là cách mép ngoài chân tường phía Đông nhà ông Đ, bà B 1cm trên móng chung kéo thẳng theo hướng Bắc – Nam. Đây là ranh giới duy nhất có thể chấp nhận vì do hai bên thống nhất, đã xây công trình cố định, chiều ngang mặt đường tuy thiếu không đáng kể và diện tích vẫn đủ, không phải do lỗi của ông H, bà D. Ông Đ, bà B xây tường lan can sân bán bình không thẳng với tường nhà, chồng lên tường của ông H, bà D là vượt ranh giới do chính mình đặt ra. Trong khi đó, theo kết quả thẩm định thì tường của nhà ông H, bà D vẫn nằm trong ranh giới đất và được xây thẳng. Do đó, có cơ sở khẳng định một phần chiều rộng và chiều dài tường lan can của ông

Đ, bà B lấn sang khoảng không trên đất của ông H, bà D.

- Việc ông Đ, bà B xây dựng công trình lấn sang khoảng không trên đất sử dụng của người khác là vi phạm qui định của pháp luật, gây khó khăn cho ông H, bà D khi xây công trình, cần phải được tháo dỡ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà B đề nghị xem xét lại quyết định của án sơ thẩm về buộc bị đơn trả lại khoảng không trên đất cho ông H, bà D.

[7]. Bà B kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

[8]. Các nội dung quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 và 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 163, 164, 175, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Y án sơ thẩm về chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D đòi lại quyền sử dụng khoảng không trên đất bị ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B xây dựng công trình lấn chiếm; Sửa bổ sung các nội dung quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân về xác định ranh giới, về buộc tháo dỡ công trình lấn chiếm khoảng không theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm, về người chịu lệ phí.

Xử:

1. Xác định ranh giới đất sử dụng của hộ ông Nguyễn Mạnh H, bà Đỗ Thị D với hộ ông Lê Văn Đ, bà Phạm Thị B như sau: Lấy mép ngoài chân tường phía Đông nhà ông Đ, bà B trên mặt móng chung làm chuẩn, cách 1cm kéo thẳng theo hướng Bắc - Nam.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D đòi lại quyền sử dụng khoảng không trên đất bị ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B xây dựng công trình lấn chiếm.

3. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị B phải tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn sang khoảng không gian trên đất sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D như sau:

- Tháo dỡ phần tường lan can (Còn gọi là tường hoa) phía Đông (Giáp với ông H, bà D) trên sân bán bình trước phòng đầu (Phía Bắc) tầng 2 nhà ông Đ, bà B có khối lượng và kích thước là: Từ đầu tường lan can phía Nam tiếp giáp với

tường nhà phòng đầu của tầng 2, tính từ mép ngoài phía Đông của tường lan can vào trong rộng 6cm chiếu theo chiều thẳng đứng cắt xuống đến mặt của sân và kéo thẳng về phía Bắc (Phía trước) hết đoạn tường.

- Tháo dỡ bờ ba via xây bằng gạch trát vữa của tường phía Đông (Giáp ông H, bà D) ngang trần nhà tầng 2 của ông Đ, bà B có khối lượng và kích thước là: Từ đầu bờ ba via phía Bắc tiếp xúc với bát trang trí đầu trụ phòng đầu tầng 2 kéo về phía Nam dài 5,9m, chiều rộng cắt sát bằng mép ngoài tường nhà.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Mạnh H và bà Đỗ Thị D chịu toàn bộ lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, đã tự chi phí đủ.

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng; được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0004787 ngày 10/12/2019 của Chi cục THADS huyện Thọ Xuân.

Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Thọ Xuân;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Quốc Văn